

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công năm 2019 và nhu cầu kéo dài thời gian thực hiện, giải ngân vốn đầu tư sang năm 2020

Thực hiện các Công văn số 210/SKHĐT-TH ngày 07/02/2020; Công văn số 232/SKHĐT-TH ngày 10/02/2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2019; kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2019. UBND huyện Chư Prông báo cáo như sau:

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019:

1. Nguồn vốn đầu tư:

Kế hoạch vốn đầu tư XDCB nguồn ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương, vốn các Chương trình mục tiêu quốc gia do UBND huyện quản lý đầu tư năm 2019 là 202,063 tỷ đồng, cụ thể:

+ Vốn ngân sách trung ương đầu tư 97,444 tỷ đồng, gồm: Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững 6,981 tỷ đồng; Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới 26,463 tỷ đồng; Vốn hỗ trợ khác 64 tỷ đồng.

+ Vốn ngân sách tỉnh đầu tư 63,619 tỷ đồng, gồm Vốn đối ứng ngân sách trung ương 30 tỷ đồng; Vốn cân đối ngân sách tỉnh: 26,117 tỷ đồng; Vốn XSKT: 0,013 tỷ đồng; Vốn hỗ trợ chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: 5,435 tỷ đồng; Vốn hỗ trợ chương trình MTQG giảm nghèo bền vững 0,698 tỷ đồng; Vốn Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2018 kéo dài sang năm 2019 thực hiện là 1,356 tỷ đồng.

+ Vốn ngân sách huyện đầu tư 41 tỷ đồng, cụ thể: Ngân sách tỉnh phân cấp huyện đầu tư: 19,3 tỷ đồng; Nguồn tiền sử dụng đất: 14,7 tỷ đồng; Nguồn kết dư ngân sách huyện: 7,0 tỷ đồng.

2. Tình hình thực hiện các dự án đầu tư:

Trên cơ sở kế hoạch vốn đầu tư được giao, UBND huyện đã phân bổ vốn đầu tư cho 108 dự án, công trình, trong đó:

- Bố trí vốn tiếp tục đầu tư cho 12 dự án chuyển tiếp là 41,189 tỷ đồng;
- Bố trí vốn thanh toán tạm ứng cho 01 dự án nguồn ngân sách trung ương là 3,0 tỷ đồng (Dự án đầu tư bố trí ổn định dân di cư tự do);
- Phân bổ vốn cho 95 dự án, công trình khởi công mới với tổng mức vốn đầu tư là 157,874 tỷ đồng. Tiến độ thực hiện các công trình khởi công mới đến ngày 31/12/2019 cụ thể như sau:

- + 58/95 công trình hoàn thành đưa vào sử dụng.
- + 32/95 công trình đang thi công theo tiến độ.

+ 05/95 công trình đang lựa chọn nhà thầu.

Tổng giá trị khối lượng thực hiện đến ngày 31/12/2019 là 128,493 tỷ đồng, đạt 63,59%KH; khối lượng giải ngân đến 31/01/2020 là 119,839 tỷ đồng, đạt 59,31%KH.

Chi tiết tình hình thực hiện các dự án theo Phụ biểu số 01 kèm theo.

3. Đánh giá chung:

a. Tình hình chỉ đạo, giải pháp thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2019:

UBND đã tiến hành phân bổ chi tiết cho các chủ đầu tư, đơn vị thực hiện tương ứng với từng nguồn vốn cụ thể. Đối với nguồn vốn đầu tư các Chương trình MTQG năm 2019, UBND huyện thường xuyên có văn bản chỉ đạo UBND các xã được giao kế hoạch vốn khẩn trương, chủ động lập các thủ tục chuẩn bị đầu tư, kế hoạch lựa chọn nhà thầu và triển khai thi công, thanh quyết toán dự án đảm bảo tiến độ được duyệt.

b. Những kết quả đạt được:

Công tác quản lý vốn đầu tư công năm 2019 đã đáp ứng được một số yêu cầu của quản lý nhà nước, kết quả cụ thể như sau:

+ Công tác xây dựng và giao kế hoạch đầu tư, chuẩn bị đầu tư đối với các dự án xây dựng được công khai, bám sát theo kế hoạch trung hạn và hàng năm; khắc phục cơ bản tình trạng đầu tư dàn trải để tập trung vốn cho các công trình trọng điểm.

+ Công tác lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư, phê duyệt dự án đầu tư:

Hồ sơ trình thẩm định và phê duyệt chủ trương đầu tư, phê duyệt dự án đầu tư được lập đầy đủ theo các quy định hiện hành của Nhà nước. Thời gian thẩm định, phê duyệt các dự án đều tuân thủ với quy định.

+ Công tác lựa chọn nhà thầu:

Các gói thầu tư vấn, xây lắp, mua sắm hàng hóa đều tổ chức lựa chọn nhà thầu theo đúng quy định của Luật Đấu thầu, Nghị định 63/2014/NĐ-CP của Chính phủ. Công tác đấu thầu các dự án đầu tư đảm bảo công khai, minh bạch; đã tổ chức thực hiện lựa chọn nhà thầu qua mạng đối với các gói thầu chào hàng cạnh tranh và đấu thầu rộng rãi theo lộ trình (thực hiện lựa chọn qua mạng 03/07 gói đấu thầu rộng rãi, đạt tỷ lệ 43%; 06/11 gói chào hàng cạnh tranh, đạt 55%); các chủ đầu tư đã lựa chọn những nhà thầu có năng lực để thực hiện các gói thầu.

+ Công tác ký kết, thực hiện hợp đồng và quản lý điều hành dự án:

Các hợp đồng xây dựng đều được Ban quản lý dự án, Chủ đầu tư và các nhà thầu ký kết theo các quy định của Luật đấu thầu và Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng.

+ Công tác bố trí vốn và thanh toán vốn đầu tư:

Việc bố trí vốn phù hợp với tổng mức đầu tư được phê duyệt và đảm bảo đủ vốn để thực hiện dự án theo tiến độ.

c. Những khó khăn, hạn chế chủ yếu:

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác đầu tư công năm 2019 vẫn còn có một số khó khăn, hạn chế như sau:

+ Năm 2019 huyện triển khai thực hiện đầu tư trên 100 dự án, công trình, phân bổ cho 20 xã, thị trấn trên địa bàn huyện. Do phạm vi quá rộng nên việc giám sát, đánh giá

đầu tư còn gặp nhiều hạn chế, chưa thực hiện kiểm tra, giám sát đầu tư thực tế tất cả các dự án trên địa bàn huyện

+ Tiến độ giải ngân các dự án đầu tư thuộc các nguồn vốn được triển khai cơ bản theo đúng kế hoạch đề ra. Tuy nhiên 04 công trình thuộc nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ chương trình mục tiêu và Chương trình MTQG nông thôn mới cấp kinh phí cuối năm 2019 chưa có khối lượng thực hiện, các dự án thuộc nguồn sử dụng đất tỉnh hỗ trợ nông thôn mới chưa cấp kinh phí đủ theo kế hoạch vốn giao để tiến hành giải ngân, làm ảnh hưởng tới tiến độ chung của toàn huyện.

+ Một số chủ đầu tư cấp xã còn thiếu chủ động trong công tác quản lý dự án, việc triển khai lập các thủ tục chuẩn bị đầu tư, hồ sơ xây dựng còn chậm, chưa phát huy hết vai trò trách nhiệm của mình trong quản lý triển khai, giám sát đầu tư và thực hiện dự án.

+ Công tác giám sát cộng đồng trong quá trình thực hiện dự án còn gặp nhiều khó khăn, trình độ và nhận thức của ban giám sát một số xã còn hạn chế, chưa cập nhật kịp các văn bản mới.

+ Công tác đền bù, giải phóng mặt bằng một số dự án còn nhiều vướng mắc, một số dự án thuộc các chương trình MTQG trong quá trình triển khai gặp khó khăn khi huy động vốn đóng góp của nhân dân do tình hình kinh tế địa phương trong thời gian qua gặp nhiều khó khăn, cần phải điều chỉnh về vốn và quy mô đầu tư cho phù hợp.

II. NHU CẦU KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN KHÔNG GIẢI NGÂN HẾT VỐN KẾ HOẠCH NĂM 2019:

Tổng số các dự án đề nghị cho phép kéo dài thời gian thực hiện sang năm 2020 là 09 dự án với tổng mức vốn đề nghị là 81.023 triệu đồng, cụ thể:

- Nguồn ngân sách trung ương: 04 dự án với tổng số vốn là 49.121 triệu đồng; trong đó Hỗ trợ chương trình mục tiêu 01 dự án với số vốn là 38.389 triệu đồng; đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới 03 dự án với tổng vốn là 10.732 triệu đồng.

- Nguồn ngân sách tỉnh: 05 công trình với tổng số vốn là 31.902 triệu đồng.

Danh mục dự án có nhu cầu kéo dài chi tiết theo biểu 02 đính kèm.

III. KIẾN NGHỊ:

UBND huyện Chư Prông kính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư quan tâm, xem xét cho phép kéo dài kế hoạch vốn năm 2019 đối với các dự án chưa giải ngân hết sang năm 2020 để huyện có cơ sở tiếp tục triển khai và hoàn thành các dự án theo đúng kế hoạch được phê duyệt.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2019 và nhu cầu dự án đề nghị kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2020 của huyện Chư Prông, kính báo cáo Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, xem xét.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Tài chính;
- Lưu: VT+TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đinh Văn Dũng₃

TỈNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019 NGUỒN NSNN

Kiểm theo báo cáo số: 69 /BC-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2020 của UBND huyện Chư Prông

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Đanh mục dự án	Mã dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư	Năm 2019						Tỷ lệ thực hiện		Ghi chú		
					Số QĐ, ngày tháng năm	TMBĐT		Kế hoạch		KLTH từ 01/01/2019 đến 31/12/2019	Giải ngân thực hiện đến 31/01/2020			Tổng thu hồi vốn ứng trước	
						Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSNN		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: thu hồi vốn ứng trước			
TỔNG SỐ															
A	Ngân sách Trung ương đầu tư				461.415	438.294	202.063	3.000	128.493	119.839	2.985	59%	100%		
A.1	Hỗ trợ có mục tiêu				246.999	230.542	98.142	3.000	51.474	48.589	2.985	49%	100%		
					196.400	196.400	64.000	3.000	25.412	25.412	2.985	40%	100%		
1	Dự án đầu tư bố trí ổn định dân di cư tự do huyện Chư Prông	7516829	2015-2016	Cấp điện (công trình cấp II): Xây dựng 01 trạm biến áp 3P 100 kVA-22/0,4kV; đường dây hạ thế 0,4kV dài 2.861,1m; Trường học: Xây dựng 04 nhà học (công trình cấp III) với tổng diện tích xây dựng 1.412m2, diện tích sân 2.330 m2, diện tích sử dụng 1.533,2 m	967/QĐ-UBND ngày 30/10/2014	38.400	38.400	12.000	3.000	11.801	11.801	2.985	98%	100%	
2	Đường liên xã Ia Bàng - Ia Vê, huyện Chư Prông	7598832	2018-2022	Đường giao thông cấp A dài 22,8km; công trình thoát nước và các hạng mục phụ	1013/QĐ-UBND; 28/10/2016	80.000	80.000	12.000		12.000	12.000		100%		
3	Đường liên xã Ia Ga - Ia Lâu	7792087	2019-2020	Đường cấp IV miền núi, tải trọng thiết kế 10T/trục, cầu HL 93, công trình thoát nước H30-XB80. L=12,4km	977/QĐ-UBND; 14/10/2019	78.000	78.000	40.000		1.611	1.611		4%		
A.2	Chương trình MTQG					50.599	34.142	33.444	0	26.062	23.177	0	67%		
I	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới					41.388	26.463	26.463	0	19.034	15.513	0	59%		
1	Đường giao thông làng Tung	7764571	2019	Nâng cấp đường đá dăm láng nhựa Bm 3,5m, Bn = 6,5-7 m+ HTTN	20/QĐ-UBND; 25/4/2019	842	800	800		822	780		98%		
2	Nhà văn hóa xã Ia O	7764182	2019	Sân bê tông diện tích khoảng 1.131 m2	68/QĐ-UBND; 18/11/2019	225	210	210		221	210		100%		
3	Trường TH Phan Đình Giót	7764570	2019-2020	Nhà vệ sinh, sân bê tông, HMP điểm trường làng La + Sùng O + Tung. 02 phòng chức năng, thiết bị và HMP	66/QĐ-UBND; 18/11/2019	1.140	1.061	1.061		1.060	1.059		100%		
4	Trường MG Hoa Phương	7764569	2019	02 Phòng học, cấp III, thiết bị + HMP. Cổng hàng rào lưới B40 + mái hiện điểm trường làng Kro + HMP	67/QĐ-UBND; 18/11/2019	905	904	904		903	902		100%		
5	Đường GT nội đồng khu vực làng Klàh	7763131	2019	Đường BTXM đá 2x4, dày 16cm, M200. Bm=3m, Bn=5m + HTTN	80/QĐ-UBND; 17/5/2019	587	557	557		583	553		99%		
6	Đường GT nội đồng khu vực làng Rưng	7763130	2019-2020	Đường BTXM đá 2x4, dày 16cm, M200. Bm=3m, Bn=5m + HTTN	81/QĐ-UBND; 17/5/2019	2.105	1.526	1.526		1.606	1.526		100%		
7	Đường giao thông làng Chư Kó	7764565	2019	Mặt đường đá dăm láng nhựa 02 lớp TCN 3.0kg/m2 dày 2,5cm Bm=3m, Bn=5m+ HTTN	55/QĐ-UBND; 21/5/2019	211	200	200		205	200		100%		
8	Đường giao thông làng Bi	7764237	2019	Mặt đường đá dăm láng nhựa 02 lớp TCN 3.0kg/m2 dày 2,5cm Bm=3m, Bn=5m+ HTTN	54/QĐ-UBND; 21/5/2019	211	200	200		205	200		100%		
9	Trường mẫu giáo Bông Sen	7764236	2019	Nhà học chức năng 02 phòng+ Hội trường + hang mục phụ	53/QĐ-UBND; 21/5/2019	1.501	1.500	1.500		1.494	1.494		100%		

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Thời gian KC-HT	Quỹ mở rộng lực thiết kế	Quyết định đầu tư				Năm 2019				Tỷ lệ thực hiện		Ghi chú		
					Số QĐ, ngày tháng năm	Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	TMĐT	Kế hoạch		KLTH từ 01/01/2019 đến 31/12/2019	Giải ngân thực hiện đến 31/01/2020		Giải ngân thực hiện			
									Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: thu hồi vốn ứng trước		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: thu hồi vốn ứng trước			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: thu hồi vốn ứng trước
10	Nhà sinh hoạt cộng đồng làng Gòong, Trang. Bih, Chư Kó	7764235	2019-2020	Sân bê tông, cổng hàng rào + HMP	56/QĐ-UBND; 21/5/2019	737	187	187	187	200	187	100%					
11	Trường Tiểu học Trần Quốc Toản	7696783	2018-2019	Nhà cấp III 02 tầng, DTXD khoảng 253m2 (gồm 04 phòng học, 01 phòng chức năng, phòng y tế) và các HMP	27/QĐ-UBND; 12/6/2018	2.100	512	512	512	511	511	100%					
12	Đường GTNT thôn Ninh Phúc	7760864	2019	L=471m đường bê tông xi măng M200 đá 2x4, dày 16cm; Bm=3m, Bn=5m	91/QĐ-UBND; 14/11/2019	344	292	292	292	344	292	100%					
13	Nhà văn hóa xã Thăng Hưng	7704803	2018-2019	DTXD khoảng 300m2 + thiết bị, HMP	21/QĐ-UBND; 11/6/2018	1.600	500	500	500	582	342	68%					
14	Đường giao thông nội đồng thôn 6, 7	7762192	2019	L=1.528m đường bê tông xi măng dày 16cm, đá 2x4 M200; Bm=3m, Bn=5m	19/QĐ-UBND; 11/4/2019	1.190	40	40	40	219	39	97%					
15	Đường GTNT các thôn 1, 3, 5	7762209	2019-2020	L=680m đường bê tông xi măng dày 16cm, đá 2x4 M200; Bm=3m, Bn=5m	110/QĐ-UBND; 18/11/2019	506	200	200	200	240	200	100%					
16	Đường giao thông nông thôn thôn 5	7762210	2019	L=266m đường bê tông xi măng dày 16cm, đá 2x4 M200; Bm=3m, Bn=5m	109/QĐ-UBND; 18/11/2019	206	130	130	130	161	130	100%					
17	Hội trường thôn 6	7762208	2019	Công trình cấp III, DTXD 73,44m2 + HMP	20/QĐ-UBND; 11/4/2019	210	175	175	175	209	174	100%					
18	Trạm y tế xã Ia Lâu	7704801	2018-2019	Nhà làm việc chức năng đạt chuẩn, sân bê tông, cổng hàng rào và HMP	31/QĐ-UBND; 11/6/2018	1.920	500	500	500	518	498	100%					
19	Nhà văn hóa thôn Bắc Thái	7764562	2019	DTXD tối thiểu 100m2 + HMP	36/QĐ-UBND; 10/4/2019	340	120	120	120	333	120	100%					
20	Nhà văn hóa thôn Phó Hiến	7764572	2019	DTXD tối thiểu 100m2 + HMP	37/QĐ-UBND; 10/4/2019	320	120	120	120	313	120	100%					
21	Trường TH Nguyễn Du	7763128	2019-2020	02 phòng học DTXD 128m2, sân bê tông, cổng hàng rào + HMP	59/QĐ-UBND; 11/4/2019	529	341	341	341	341	341	100%					
22	Đường GTNT làng Hiang Ngòi đi làng Ô	7768506	2019	Đường BTXM đá 2x4 M250, dày 16cm; Bm=3m, Bn=4m; HTTN	98/QĐ-UBND; 22/5/2019	580	500	500	500	567	500	100%					
23	Đường GTNT thôn Hoàng Ân	7763087	2019	L=250m đường bê tông xi măng đá 2x4 M200, dày 16cm; Bm=3m, Bn=5m	31/QĐ-UBND; 13/5/2019	169	68	68	68	168	68	100%					
24	Đường GTNT thôn Hoàng Yên	7763088	2019	L=1.000m đường bê tông xi măng đá 2x4 M200, dày 16cm; Bm=3m, Bn=5m	34/QĐ-UBND; 13/5/2019	731	292	292	292	728	292	100%					
25	Đường GT liên thôn làng Kanh - làng Mui	7764180	2019	L=405m đường BTXM đá 2x4 M200 dày 16cm; Bm=3m, Bn=5m; HTTN	47/QĐ-UBND; 20/5/2019	310	280	280	280	310	280	100%					
26	Đường GTNT làng Ngó	7766512	2019	Mặt đường đá dăm láng nhựa 02 lớp TCN 3.0kg/m2 dày 2,5cm Bm=3m, Bn=5m	25/QĐ-UBND; 13/5/2019	199	169	169	169	198	169	100%					

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư	Năm 2019					Tỷ lệ thực hiện		Ghi chú		
					Số QĐ, ngày tháng năm	TMDT		Kế hoạch		KLTH từ 01/01/2019 đến 31/12/2019	Giải ngân thực hiện đến 31/01/2020		Giải ngân thực hiện	
						Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSNN		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: thu hồi vốn ứng trước
27	Đường GTNT làng Khó	7766450	2019-2020	Mặt đường đá dăm láng nhựa 02 lớp TCN 30kg/m ² dày 2,5cm Bm=3m, Bn=5m	45/QĐ-UBND; 20/11/2019	184	100	100	100	128	100	100%		
28	Hội trường thôn 4	7803519	2019-2020	Nhà cấp IV + sân cổng hàng rào và hàng mục phụ	27/QĐ-UBND; 13/5/2019	353	87	87	87	87	87	87	100%	
29	Đường GTNT thôn Xuân Mè, làng Nốt	7760641	2019-2020	Chiều dài L=1,373m, đường BTXM đá 2x4 dây 16cm, M200, Bm=3m, Bn=4m, HTTN	41/QĐ-UBND; 08/11/2019	1.105	401	401	401	499	401	401	100%	
30	Đường GTNT Thôn Đoàn kết	7764178	2019	Đường BTXM đá 2x4 dây 16cm, M200, Bm=3m, Bn=4m, HTTN	37/QĐ-UBND; 19/5/2019	615	503	503	503	615	503	503	100%	
31	Đường GTNT làng Dơ Ngol	7764568	2019-2020	Đường BTXM đá 2x4 dây 16cm, M200, Bm=3m, Bn=5m, HTTN	16/QĐ-UBND; 9/4/2019	935	390	390	390	470	390	390	100%	
32	Đường GTNT làng Nốt	7765624	2019-2020	Đường BTXM đá 2x4 dây 16cm, M200, Bm=3m, Bn=5m, HTTN	17/QĐ-UBND; 9/4/2019	300	20	20	20	36	20	20	100%	
33	Nhà sinh hoạt cộng đồng làng Dơ Ngol, Tor Bang	7765234	2019-2020	Cổng hàng rào, sân bê tông và HMP	18/QĐ-UBND; 9/4/2019	315	120	120	120	132	120	120	100%	
34	Đường GTNT làng Nù	7763129	2019-2020	Đường BTXM dài 778m, đá 2x4 M200, dây 16cm, Bm=3m, Bn=5m, HTTN	87/QĐ-UBND; 17/5/2019	800	340	340	340	383	340	340	100%	
35	Trường TH Ngổ Mây	7763089	2019-2020	Nhà vệ sinh + hàng rào + HMP điểm trường trung tâm, làng Bù và làng Ô	108/QĐ-UBND; 10/4/2019	291	150	150	150	150	147	147	98%	
36	Nhà văn hóa xã Ia Tờ	7762207	2019	Hệ thống cống thoát nước, đường bê tông, hàng rào	107/QĐ-UBND; 10/4/2019	417	375	375	375	412	370	370	99%	
37	Đường GTNT thôn Nhân Nghĩa	7763127	2019	Đường BTXM 150m đá 2x4 M200 dây 16cm, Bm=3m, Bn=4m	41/QĐ-UBND; 17/4/2019	110	45	45	45	80	45	45	100%	
38	Đường đi khu sản xuất thôn An Hòa	7763018	2019	Đường BTXM 590m đá 2x4 M200 dây 16cm, Bm=3m, Bn=5m	38/QĐ-UBND; 17/4/2019	441	341	341	341	435	341	341	100%	
39	Đường đi khu sản xuất làng Klù	7763001	2019-2020	Đường BTXM 827m đá 2x4 M200 dây 16cm, Bm=3m, Bn=4m. Đập tràn quy mô rọ đá dài 45m, rộng 3m, cao 1,5m + 0,2m BTXM trên mặt	42/QĐ-UBND; 17/4/2019	764	149	149	149	399	149	149	100%	
40	Đường giao thông thôn 6	7760863	2019-2020	L=675m, đường BTXM đá 2x4 M200, dây 16cm, Bm = 3m, Bn=5m + HTTN	22/QĐ-UBND; 22/4/2019	637	104	104	104	127	104	104	100%	
41	Đường giao thông thôn Kỳ Phong	7761131	2019-2020	L=387m, đường BTXM đá 2x4 M200, dây 16cm, Bm = 3m, Bn=5m + HTTN	21/QĐ-UBND; 22/4/2019	365	254	254	254	283	254	254	100%	
42	Đường giao thông thôn 8	7760865	2019-2020	L=890m, đường BTXM đá 2x4 M200, dây 16cm, Bm = 3m, Bn=5m + HTTN	23/QĐ-UBND; 22/4/2019	840	42	42	42	58	42	42	100%	
43	Hội trường thôn 5	7765623	2019	Nhà cấp IV, DTXD tối thiểu 75m ²	25/QĐ-UBND; 02/5/2019	220	100	100	100	220	100	100	100%	

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư	Năm 2019					Tỷ lệ thực hiện		Ghi chú		
					Số QĐ, ngày tháng năm	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Kế hoạch		KL,TH từ 01/01/2019 đến 31/12/2019		Giải ngân thực hiện đến 31/01/2020	
						Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó: NSNN		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSNN			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSNN
44	Hội trường thôn Đoàn Kết	7765622	2019	26/QĐ-UBND; 02/5/2019	362	100	100	100	362	100	100%			
45	Trường TH Lê Hồng Phong	7764179	2019	50/QĐ-UBND; 22/5/2019	302	300	300	300	288	288	96%			
46	Đường GT đi khu sản xuất làng Goong, làng Chư Kó, xã Ia Púch	7800856	2019-2020	2983/QĐ-UBND; 04/12/2019	6.764	6.426	6.426	6.426	334	334	5%	Nguồn dự phòng		
47	Trường MG Hoa Pơ Lang, xã Ia Mơ, HM: Nhà học chức năng 01 phòng + phòng y tế + phòng bảo vệ và HMP	7800855	2019-2020	2921/QĐ-UBND; 26/11/2019	1.500	1.492	1.492	1.492	92	92	6%	Nguồn dự phòng		
48	Hợp tác xã công nông nghiệp và dịch vụ Hợp Tiến, Ia Lầu, HM: Cửa hàng vật tư nông nghiệp, nhà kho, sân phơi và các HMP	7802264	2019-2020	120/QĐ-UBND; 06/12/2019	4.050	3.240	3.240	3.240	405	405	0%	Nguồn dự phòng		
II	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững				9.211	7.679	7.679	6.981	0	7.028	6.973	0	100%	
1	Đường GT làng Sưng O	7763619	2019	28/QĐ-UBND; 20/5/2019	757	750	750	750	757	750	100%			
2	Đường GT làng Kro	7764181	2019	71/QĐ-UBND; 28/11/2019	311	308	308	30	33	300	100%			
3	Trường MG Hoa Phương	7764183	2019	69/QĐ-UBND; 18/11/2019	77	76	76	76	76	76	99%			
4	Đường GT nội đồng khu vực làng Rìng (đồng thời ra khu vực định hướng quy hoạch điểm dân cư mới sau này)	7763618	2019-2020	82/QĐ-UBND; 17/5/2019	2.060	1.069	1.069	1.069	1.069	1.069	100%			
5	Công trình nước sạch tập trung làng Chư Kó	7764238	2019	57/QĐ-UBND; 21/5/2019	562	556	556	556	559	556	100%			
6	Đường GT làng Chư Kó	7764239	2019	58/QĐ-UBND; 21/5/2019	303	300	300	300	302	299	100%			
7	Nhà văn hóa làng Bạc 1, Grang 1	7770898	2019	39/QĐ-UBND; 14/5/2019	404	400	400	400	400	400	100%			
8	Đường GTNT làng Ngó	7766511	2019	24/QĐ-UBND; 13/5/2019	808	800	800	800	808	800	100%			
9	Đường GTNT làng Bliu, làng Nêh	7762206	2019	124/QĐ-UBND; 17/5/2019	808	800	800	800	800	800	100%			
10	Đường nội thôn làng Tu	7766452	2019	46/QĐ-UBND; 15/5/2019	251	250	250	250	250	249	100%			

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư	Năm 2019				Tỷ lệ thực hiện	Ghi chú			
					TMĐT		Kế hoạch				KLTH từ 01/01/2019 đến 31/12/2019	Giải ngân thực hiện đến 31/01/2020	
					Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSNN				Tổng số	Trong đó: vốn NSNN
					Số QĐ, ngày tháng năm	Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: vốn NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: thu hồi vốn ứng trước
11	Nhà sinh hoạt cộng đồng làng Tu	7766451	2019	47/QĐ-UBND; 15/5/2019	151	150	150	149	149	100%			
12	Đường GTNT làng Ó	7764185	2019	48/QĐ-UBND; 14/5/2019	655	612	612	612	612	100%			
13	Đường GTNT làng Xung Beng	7764184	2019	49/QĐ-UBND; 14/5/2019	650	608	188	608	188	100%			
14	Đường GTNT làng Khor	7763090	2019	33/QĐ-UBND; 15/5/2019	202	200	200	196	196	98%			
15	Trường MG Bình Minh (điểm trường làng Phung)	7776312	2019	30/QĐ-UBND; 20/5/2019	404	400	400	400	400	100%			
16	Đường GTNT làng Siu và Aneh	7768507	2019-2020	99/QĐ-UBND; 22/5/2019	808	400	400	400	400	100%			
B	Nguồn ngân sách tỉnh đầu tư				104.374	97.710	63.619	30.857	31.547	50%			
I	Vốn cân đối ngân sách tỉnh				84.767	82.488	27.810	26.952	27.642	99%			
1	Chương trình đầu tư 2 xã biên giới	7557401	2016-2020	1250/QĐ-UBND ngày 29/12/2015	20.000	20.000	3.600	3.600	3.600	100%			
2	Thủy lợi Ia Puch	7662285	2018-2020	967/QĐ-UBND; 31/10/2017	53.000	53.000	15.477	15.477	15.477	100%			
3	Trường THCS Lê Văn Tám, xã Ia Pior	7720033	2019	2121/QĐ-UBND; 25/9/2018	8.000	8.000	7.040	6.881	6.881	98%			
4	Vốn đối ứng CT MTQG GNBV				0	0	0	0	690	0	99%		
-	Đường GT làng Kro	7764181	2019	71/QĐ-UBND; 28/11/2019			278		270	97%			
-	Đường GTNT làng Xung Beng	7764184	2019	49/QĐ-UBND; 14/5/2019			420		420	100%			
5	Vốn hỗ trợ CTMTQG NTM (Chương trình kiến cơ hóa kênh mương và giao thông nông thôn)				3.767	1.488	995	993	993	100%			
-	Đường GTNT 3 thôn: Hoàng Ân, Hoàng Yên, Grang 2	7759920	2019-2020	17/QĐ-UBND; 14/3/2019	780	310	155	415	155	100%			
-	Đường GTNT thôn 1, thôn 3, thôn 4	7757284	2019-2020	72/QĐ-UBND; 27/12/2018	1.000	400	200	500	200	100%			
-	Đường GTNT thôn Bình An	7764240	2019-2020	10/QĐ-UBND; 15/2/2019	700	278	140	560	140	100%			
-	Đường GTNT thôn 2, thôn Cao Lang	7751996	2018-2019	73/QĐ-UBND; 26/12/2018	369	129	129	341	129	100%			



TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Thời gian KC- HT	Quyết định đầu tư	Năm 2019					Tỷ lệ thực hiện		Ghi chú			
					Số QĐ, ngày tháng năm	TMBĐT		Kế hoạch		Giải ngân thực hiện đến 31/01/2020			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: thu hồi vốn trước	
						Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSNN	KLTH từ 01/01/2019 đến 31/12/2019	Trong đó: vốn NSNN				
											Tổng số				Trong đó: thu hồi vốn trước
-	Đường GTNT thôn 1, thôn 2, thôn 3	7753276	2018- 2019	Qui mô, năng lực thiết kế L=677m, đường BTXM; đã 2x4 M200, dày 16cm, Bm=3m, Bn=5m	63/QĐ- UBND; 18/12/2018	486	196	196	196	479	196	100%			
-	Đường GTNT thôn Đồng Tâm, Đoàn Kết	7753275	2018- 2019	L=605m, đường BTXM; đã 2x4 M200, dày 16cm, Bm=3m, Bn=5m	97/QĐ- UBND; 19/12/2018	432	175	175	174	425	174	99%			
II	Vốn xã số kiến thiết					15.433	11.422	2.009	2.009	0	2.009	2.009	100%		
1	Trường THCS Kim Đồng, xã Ia O	7556787	2016	Nhà học 08 phòng 2 tầng, DTS: 715m2; nhà hiệu bộ, thư viện 2 tầng, DTS 490m2 và các HMP	160/QĐ- SKHĐT; 30/10/2015	7.994	7.994	13	13	13	13	100%			
2	Hỗ trợ Chương trình NTM					7.439	3.428	1.996	1.996	0	1.996	1.996	100%		
-	Đường GTNT làng Sor, làng Gà, làng Brêng, xã Ia Bông	7760849	2019- 2020	L=2.073m, đường BTXM; đã 2x4 M200, dày 16cm, Bm=3m, Bn=5m; hệ thống thoát nước	25/QĐ- UBND; 22/4/2019	1.513	1.286	570	570	670	570	100%			
-	Đường GT 7 thôn: 1, 2, 4, 7, Làng Ván, Bắc Thái, Pác Bó	7759899	2019- 2020	L=4.300m, đường BTXM; đã 2x4 M200, dày 16cm, Bm=3m, Bn=5m; hệ thống thoát nước	30/QĐ- UBND; 27/3/2019	4.286	1.286	570	570	1.575	570	100%			
-	Đường GTNT làng lắt, làng Klăh, xã Ia Bông	7751991	2018- 2019	L=665m, đường BTXM; đã 2x4 M200, dày 16cm, Bm=3m, Bn=5m; hệ thống thoát nước	94/QĐ- UBND; 18/12/2018	476	428	428	428	475	428	100%			
-	Đường GT 4 thôn: 1, Làng Ván, Bắc Thái, Pác Bó	7751995	2018- 2019	L=1.400m, đường BTXM; đã 2x4 M200, dày 16cm, Bm=3m, Bn=5m; hệ thống thoát nước	72/QĐ- UBND; 26/12/2018	1.164	428	428	428	1.070	428	100%			
III	Nguồn sử dụng đất tình đầu tư Hỗ trợ CTMTQG NTM					4.174	3.800	3.800	3.800	0	1.897	1.897	50%		
						4.174	3.800	3.800	3.800	0	1.897	1.897	50%		
1	Hội trường thôn 2, thôn 4	7776306	2019	Sân bê tông, công hàng rào, mái che + HMP	64/QĐ- UBND; 06/8/2019	353	300	300	300	345	299	100%	chưa có vốn		
2	Trường MG Hoa Hồng	7776310	2019	Nhà vệ sinh cấp IV, DTXD 27m2, công hàng rào và HMP các điểm trường	66/QĐ- UBND; 06/8/2019	501	500	500	500	500	250	50%	chưa có vốn		
3	Khu trung tâm thể thao xã Thăng Hưng	7776311	2019	Sân bóng, sân khấu DT 139,12m2, hàng rào, HMP	68/QĐ- UBND; 06/8/2019	706	600	600	600			0%	chưa có vốn		
4	Hội trường thôn 1, thôn 3	7776307	2019	Nâng cấp hội trường, sân bê tông, công hàng rào, mái che + HMP	62/QĐ- UBND; 06/8/2019	353	300	300	300	352	300	100%	chưa có vốn		
5	Cải tạo bãi rác	7789335	2019	San ủi bãi rác, đường nội bộ và HMP	63/QĐ- UBND; 06/8/2019	471	400	400	400	471		0%	chưa có vốn		
6	Cải tạo nghĩa trang nhân dân xã	7776308	2019	Nhà bia, đường nội bộ và HMP	67/QĐ- UBND; 06/8/2019	589	500	500	500	588	450	90%	chưa có vốn		
7	Trường TH Lương Thế Vinh	7776309	2019	02 phòng học DTXD 120m2, nhà vệ sinh DT 27m2, nhà để xe điểm trường trung tâm; Sân bê tông, công hàng rào và HMP các điểm trường	65/QĐ- UBND; 06/8/2019	1.201	1.200	1.200	1.200	1.199	598	50%	chưa có vốn		
IV	Nguồn dự phòng ngân sách tỉnh					0	0	30.000	30.000	0	0	0%			
1	Đường liên xã Ia Ga - Ia Lầu	7792087	2019- 2020	Đường cấp IV miền núi, tài trợ thiết kế 10T/kruc, cầu HL 93, công trình thoát nước H30- XB80. L=12,4km	977/QĐ- UBND; 14/10/2019			30.000	30.000			0%			
C	Ngân sách huyện đầu tư					110.042	110.042	41.000	41.000	0	40.393	40.393	99%		

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Thời gian K.C- HT	Quyết định đầu tư	Năm 2019						Tỷ lệ thực hiện		Ghi chú
					Số QĐ, ngày tháng năm	TMĐT		Kế hoạch		KLTH từ 01/01/2019 đến 31/12/2019	Giải ngân thực hiện đến 31/01/2020		
						Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSNN		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSNN	
Qui mô, năng lực thiết kế	53.366	53.366	19.300	19.300	0	18.874	18.874	0	98%				
1	Ngân sách tỉnh phân cấp cho huyện			2117/QĐ-UBND; 25/10/2017	3.050	3.050	600	600		532	532	89%	
2	Trường THCS Nguyễn Chí Thanh	7668176	2018-2019	2126/QĐ-UBND; 31/10/2017	3.890	3.890	1.455	1.455		1.432	1.432	98%	
3	Đường từ Thị trấn Chư Prông đi xã Ia Tơ	7668183	2018-2019	2127/QĐ-UBND; 31/10/2017	8.420	8.420	2.464	2.464		2.416	2.416	98%	
4	Đường từ trung tâm xã đi làng Đê (đoạn từ thôn Yên mẹ đến làng Đê)	7719144	2019	2130/QĐ-UBND; 26/9/2018	2.600	2.600	2.250	2.250		2.209	2.209	98%	
5	Nhà công an viên thường trực xã Thăng Hưng	7720574	2019	2188/QĐ-UBND; 18/10/2018	705	705	599	599		597	597	100%	
6	Trường mẫu giáo Hướng Dương	7720301	2019	2189/QĐ-UBND; 18/10/2018	1.160	1.160	1.060	1.060		1.012	1.012	95%	
7	Trường tiểu học Lương Thế Vinh	7720303	2019	2178/QĐ-UBND; 15/10/2018	2.950	2.950	2.720	2.720		2.545	2.545	94%	
8	Trường MG Tân Tiến, xã Ia Lầu	7734516	2019	2700/QĐ-UBND; 30/10/2018	2.890	2.890	2.690	2.690		2.668	2.668	99%	
9	Trường TH Phan Chu Trinh	7729650	2019-2020	2701/QĐ-UBND; 30/10/2018	3.470	3.470	1.611	1.611		1.611	1.611	100%	
10	Trường TH Phạm Hồng Thái	7729645	2019-2020	2702/QĐ-UBND; 30/10/2018	3.320	3.320	1.930	1.930		1.930	1.930	100%	
11	Trường TH Hùng Vương		2020	921/QĐ-UBND; 19/10/2018	4.110	4.110	148	148		148	148	100%	
12	Trường MG Vành Khuyên		2020	922/QĐ-UBND; 19/10/2018	3.930	3.930	142	142		142	142	100%	
13	Đường giao thông TDP5 và TDP6 (khu làng Phìn)		2020	919/QĐ-UBND; 19/10/2018	2.680	2.680	96	96		96	96	100%	
14	Hỗ trợ CTMTQG xây dựng nông thôn mới				10.191	10.191	1.535	1.535		1.535	1.535	100%	
II	Nguồn thu tiền sử dụng đất huyện đầu tư				36.236	36.236	14.700	14.700	0	14.519	14.519	99%	
I	Trường THCS Nguyễn Trãi	7668263	2018-2019	2117C/QĐ-UBND; 25/10/2017	4.210	4.210	1.550	1.550		1.519	1.519	98%	

TT	Đanh mục dự án	Mã dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư	Năm 2019				Tỷ lệ thực hiện		Ghi chú				
					TMĐT		Kế hoạch					Giải ngân thực hiện đến 31/01/2020			
					Số QĐ, ngày tháng năm	Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Trong đó: vốn NSNN	KLTH từ 01/01/2019 đến 31/12/2019	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: thu hồi vốn ứng trước	Trong đó: vốn NSNN		
					Trong đó: NSNN	Trong đó: thu hồi vốn ứng trước	Tổng số	Trong đó: thu hồi vốn ứng trước	Tổng số	Trong đó: thu hồi vốn ứng trước					
2	Đường vào thao trường huấn luyện Jit Tú	7068184	2018-2019	Đường BTXM dài 2x4 M250 dày 18cm. Công trình cấp IV, tổng chiều dài khoảng 1200m. Mặt đường 3m nền 5m. Hệ thống thoát nước	2117A/QĐ-UBND; 25/10/2017	2.950	2.950	983	983	841	841	86%			
3	Trụ sở UBND xã Ia Lầu	7722742	2019	Nhà công an viên thường trực, hội trường, bộ phận một cửa DTXD 310m2 + HMP	2331/QĐ-UBND; 26/10/2018	1.686	1.686	1.487	1.487	1.480	1.480	99%			
4	Trường THCS Lê Lợi	7720572	2019-2020	Nhà cấp III 02 tầng, DTXD 380m2, DTS 728m2 (gồm 03 phòng chức năng, thư viện, phòng y tế, phòng truyền thống) và các HMP	2177/QĐ-UBND; 15/10/2018	4.650	4.650	3.880	3.880	3.880	3.880	100%			
5	Trường Mẫu giáo Hoa Hồng	7724027	2019-2020	Nhà cấp III 02 tầng (gồm Nhà hiệu bộ, 03 phòng học, phòng y tế) DTXD 280m2, DTS 536m2. Nhà vệ sinh giáo viên 9m2. Tháo dỡ nhà hiện trạng. Cải tạo 02 phòng học thành phòng chức năng và các HMP	2334/QĐ-UBND; 26/10/2018	3.580	3.580	3.000	3.000	3.000	3.000	100%			
6	Trường THCS Trần Quốc Tuấn	7720573	2019-2020	Nhà cấp III 02 tầng, DTXD 380m2, DTS 737m2 (gồm 03 phòng chức năng, thư viện, phòng y tế, phòng truyền thống) và các HMP	2190/QĐ-UBND; 18/10/2018	4.210	4.210	3.500	3.500	3.500	3.500	100%			
7	Mở rộng đường Hùng Vương giai đoạn 2 (Km4+400--Km6+796)		2020	Chiều dài tuyến L=2.396Km; cải tạo, mở rộng thêm 01 bên, mặt đường đá đầm láng nhựa, hệ thống thoát nước, dải phân cách, điện chiếu sáng	2478/QĐ-UBND; 14/10/2019	14.950	14.950	300	300	300	300	100%			
III	Nguồn kết dư ngân sách huyện					20.440	20.440	7.000	7.000	0	7.000	7.000	100%	0	
1	Nâng cấp mở rộng cầu bán BTCT (cầu Công an tại Km 14+248m tỉnh lộ 663)		2019-2020	Chiều dài tuyến thiết kế 132,34m. Công hộp BTCT 300x300x4 dài 26m; vỉa hè và HTTN	2704/QĐ-UBND; 30/10/2018	5.360	5.360	1.800	1.800	1.800	1.800	100%			
2	Đường Hùng Vương (Km4+400--Km6+796, đoạn từ đầu KQH 42 ha đến giáp đường 01 chiều CTCs)		2019-2020	Chiều dài tuyến 2.396m. Cải tạo, mở rộng 01 bên thêm 3,75m, mặt đường đá đầm láng nhựa + HTTN	2691A/QĐ-UBND; 30/10/2018	7.000	7.000	2.200	2.200	2.200	2.200	100%			
3	Đường GT khu quy hoạch xã Bàu Cạn (KDC và công trình công cộng, điểm dân cư thôn Đồng Tâm + Bình An)		2019-2020	Chiều dài tuyến 1.538,59m; Nền đường rộng 6,5-8,5m; mặt đường BTXM 3,5-5,5m + HTTN	2693/QĐ-UBND; 30/10/2018	3.780	3.780	1.500	1.500	1.500	1.500	100%			
4	Đường GT, hệ thống điện KQH xã Ia Me		2019-2020	Chiều dài tuyến 1.498m, B=6,5m; mặt đường BTXM 3,5m; chiều dài thiết kế mặt đường 1.267m + HTTN. Dãi dãi 285,7m đường điện, xây dựng 02 trạm biến áp 22/0,4kV-160kVA; 902,24m đường dây hạ thế và các HMP	2692/QĐ-UBND; 30/10/2018	4.300	4.300	1.500	1.500	1.500	1.500	100%			



DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2019 THANH TOÁN KHÔNG HẾT VỐN XIN KÉO DÀI SANG NĂM 2020 TIẾP TỤC THỰC HIỆN
Kèm theo báo cáo số: **69** /BC-UBND ngày **17** tháng 02 năm 2020 của UBND huyện Chư Prông

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Qui mô, năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Tổng vốn cần bố trí để hoàn thành dự án	Lấy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2018	Kế hoạch vốn năm 2019	KLTH từ 01/01/2019 đến 31/12/2019	Giải ngân từ 01/01/2019 đến 31/01/2020	Kế hoạch vốn năm 2019 thanh toán không hết xin kéo dài sang năm 2020 tiếp tục thực hiện	Chủ đầu tư	Lý do các dự án chậm tiến độ, không thanh toán hết vốn, xin kéo dài sang năm 2020 tiếp tục thực hiện
					Số QĐ, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư								
	TỔNG SỐ						93.782 3.468 0	85.782 33.468 30.000	0 33.200 30.000	5.440 2.998 0	3.335 1.298 0	81.023.260 31.902.230 30.000.000		
A	Vốn ngân sách tỉnh đầu tư													
I	Vốn dự phòng ngân sách tỉnh													
1	Đường liên xã Ia Ga - Ia Lầu	Ia Ga, Ia Lầu	Đường cấp IV miền núi, tái trọng thiết kế 10T/trục, cầu HL 93, công trình thoát nước H30-XB80. L=12,4km	2019-2020	977/QĐ-UBND; 14/10/2019		30.000	0	30.000	-	-	30.000.000	UBND huyện Chư Prông	Công trình mới phê duyệt 24/10/2019, hoàn thành thủ tục chuẩn bị đầu tư, chưa tiến hành khởi công nên đề nghị kéo dài sang năm 2020 để tiếp tục thực hiện
II	Tiền sử dụng đất tính hỗ trợ thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới xã Thang Hung				285/QĐ-UBND; 30/5/2019	3.468	3.468	0	3.200	2.998	1.298	1.902.230		
1	Trường MG Hoa Hồng	Thang Hung	Nhà vệ sinh cấp IV, DTXD 27m2, công hàng rào và HMP các điểm trường	2019	66/QĐ-UBND; 06/8/2019	501	501	0	500	500	250	250.441		
2	Khu trung tâm thể thao xã Thang Hung	Thang Hung	Sân bóng, sân khấu DT 139, 12m2, hàng rào, HMP	2019	68/QĐ-UBND; 06/8/2019	706	706	0	600	240	0	600.000		
3	Cải tạo bãi rác	Thang Hung	San ủi bãi rác, đường nội bộ và HMP	2019	63/QĐ-UBND; 06/8/2019	471	471	0	400	471	0	400.000	BQL chương trình MTQG xã Thang Hung	Sơ Tài chính mới cấp tạm ứng 1,9 tỷ đồng, chưa bố trí đủ vốn theo kế hoạch để giải ngân, đề nghị kéo dài sang năm 2020 thực hiện và giải ngân số vốn còn lại
4	Cải tạo nghĩa trang nhân dân xã	Thang Hung	Nhà bia, đường nội bộ và HMP	2019	67/QĐ-UBND; 06/8/2019	589	589	0	500	588	450	50.045		
5	Trường TH Lương Thế Vinh	Thang Hung	02 phòng học DTXD 120m2, nhà vệ sinh DT 27m2, nhà để xe điểm trường trung tâm; Sân bóng, công hàng rào và HMP các điểm trường	2019	65/QĐ-UBND; 06/8/2019	1.201	1.201	0	1.200	1.199	598	601.745		
B	Vốn ngân sách trung ương					90.314	52.314	0	51.158	2.442	2.037	49.121.029		
B.1	Vốn trung ương bổ sung có mục tiêu					78.000	40.000	0	40.000	1.611	1.611	38.388.855		
I	Chương trình phát triển kinh tế - xã hội các vùng					78.000	40.000	0	40.000	1.611	1.611	38.388.855		
1	Đường liên xã Ia Ga - Ia Lầu	Ia Ga, Ia Lầu	Đường cấp IV miền núi, tái trọng thiết kế 10T/trục, cầu HL 93, công trình thoát nước H30-XB80. L=12,4km	2019-2020	977/QĐ-UBND; 14/10/2019	78.000	40.000		40.000	1.611	1.611	38.388.855	UBND huyện Chư Prông	Công trình mới phê duyệt 24/10/2019, hoàn thành thủ tục chuẩn bị đầu tư, chưa tiến hành khởi công nên đề nghị kéo dài sang năm 2020 để tiếp tục thực hiện
B.2	Vốn Chương trình MTQG					12.314	12.314	0	11.158	831	426	10.732.174		

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Tổng vốn cần bố trí để hoàn thành dự án	Lấy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2018	Kế hoạch vốn năm 2019	KLTH từ 01/01/2019 đến 31/12/2019	Giải ngân từ 01/01/2019 đến 31/01/2020	Kế hoạch vốn năm 2019 thanh toán không hết xin kéo dài sang năm 2020 tiếp tục thực hiện	Chủ đầu tư	Lý do các dự án chậm tiến độ, không thanh toán hết vốn, xin kéo dài sang năm 2020 tiếp tục thực hiện
				Số QĐ, ngày tháng n-1	Tổng mức đầu tư								
I	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới				12.314	12.314	0	11.158	831	426	10.732,174		
1	Đường GT đi khu sản xuất làng Góong, làng Chư Kó, xã Ia Puch	Ia Puch	2019-2020	2983/QĐ-UBND; 04/12/2019	6.764	6.764	0	6.426	334	334	6.091,806	UBND huyện Chư Prông	Phê duyệt chủ trương tháng 11/2019, mới hoàn thành thủ tục chuẩn bị đầu tư, chưa khởi công đề nghị kéo dài sang năm 2020 tiếp tục giải ngân theo kế hoạch được duyệt
2	Trường MG Hoa Pơ Lang, xã Ia Mơ. HM: Nhà học chức năng 01 phòng + phòng y tế + phòng bảo vệ và HMP	Ia Mơ	2019-2020	2921/QĐ-UBND; 26/11/2019	1.500	1.500	0	1.492	92	92	1.400,368	UBND huyện Chư Prông	
3	Hợp tác xã công nông nghiệp và dịch vụ Hợp Tiến, Ia Lâu. HM: Cửa hàng vật tư nông nghiệp, nhà kho, sân phơi và các HMP	Ia Lâu	2019-2020	120/QĐ-UBND; 06/12/2019	4.050	4.050	0	3.240	405	-	3.240,000	BQL chương trình MTQG xã Ia Lâu	